

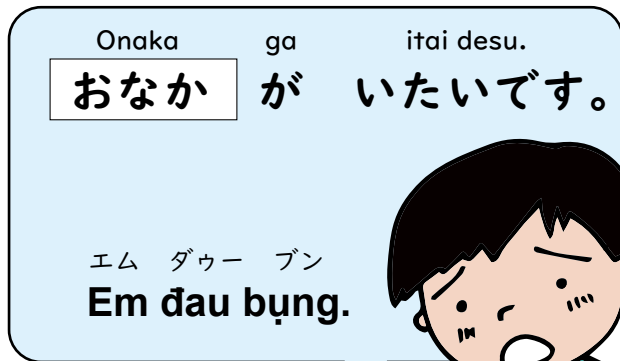
2 Karada no choushi
からだのちょうし

ティン チャン コー テー
Tình trạng cơ thể



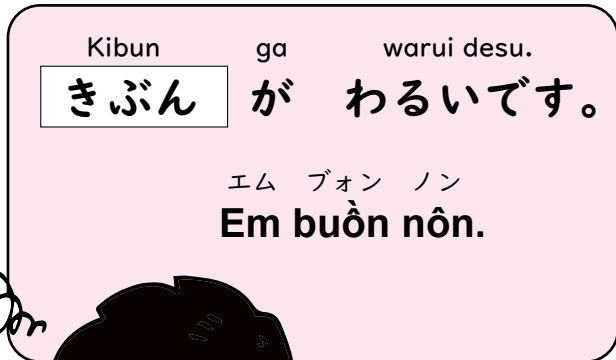
Doushimashitaka.
どうしましたか。

コー サオ コン
Có sao không?



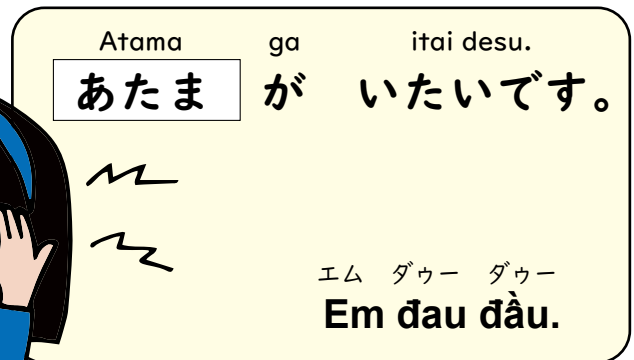
Onaka ga itai desu.
おなか が いたいです。

エム ダウー ブン
Em đau bụng.



Kibun ga warui desu.
きぶん が わるいです。

エム ブオン ノン
Em buồn nôn.



Atama ga itai desu.
あたま が いたいです。

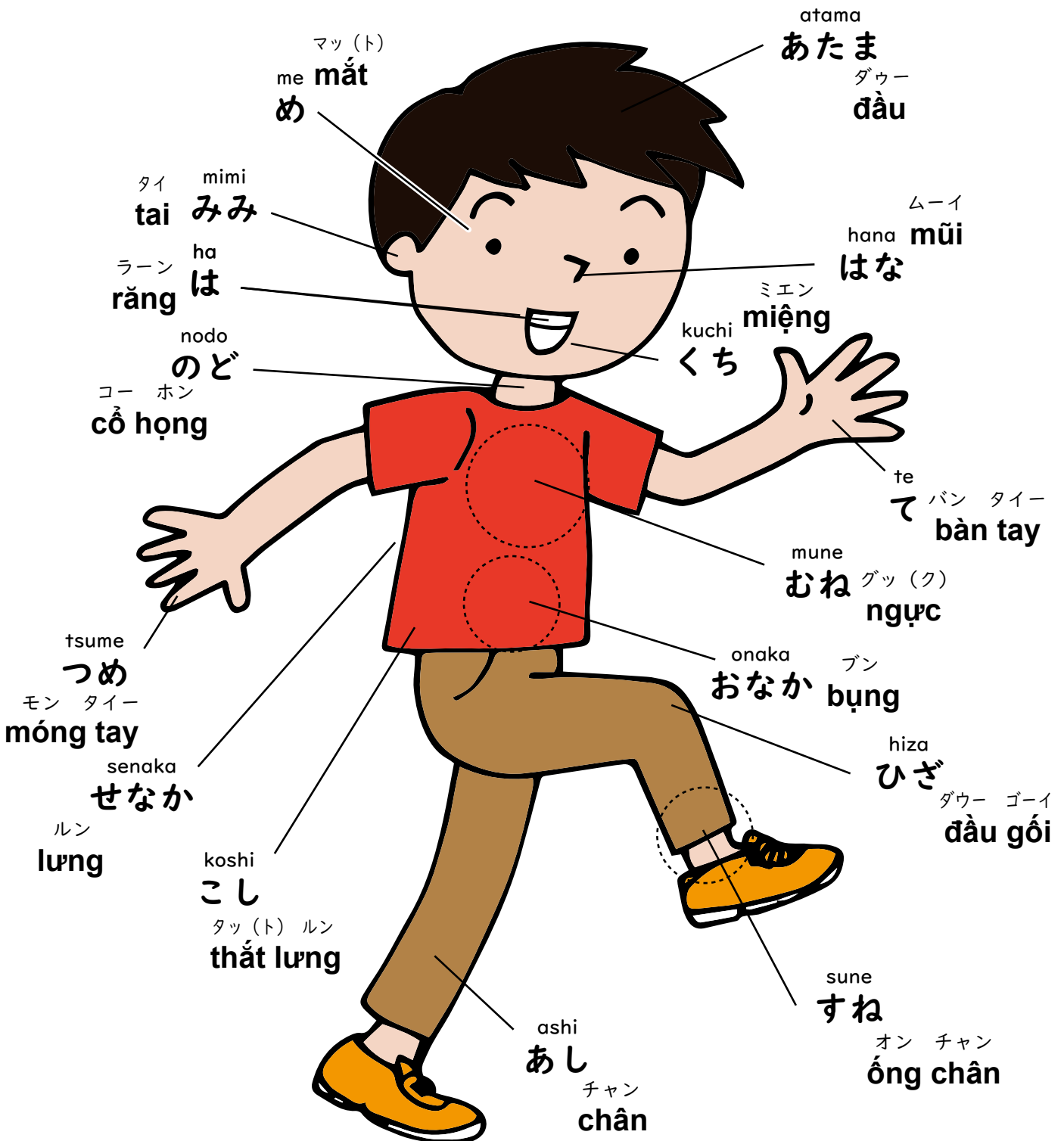
エム ダウー ダウー
Em đau đầu.

キー カーム タイー チョン グォイ コー チウ ファーイ バオ ガイー ボイ タイー コー ザオ ホアツ(ク) タイー コー フォーン イー テー
 ※Khi cảm thấy trong người khó chịu, phải báo ngay với thầy cô giáo hoặc thầy cô phòng y tế.



Hokenshitsu no sensei
ほけんしつ の せんせい

タイー コー フォーン イー テー
Thầy cô phòng y tế



Gakkou o yasumutoki
がっこうを やすむとき

キー ギー ホツ(ク)
Khi nghỉ học

キー ギー ホツ(ク), ファーイ パオ ポイ チューン
 ※Khi nghỉ học, phải báo với trường.

Denwa de hanasu
でんわで はなす

ノイ バン ディエントウアイ
Nói bằng điện thoại

Gakkou no denwa
がっこうの でんわ
 ディエントウアイ クア チューン ホツ(ク)
điện thoại của trường học

Tannin no sensei
たんにんの せんせい
 タイー (コー) ザオ フー チャツ(ク)
thầy (cô) giáo phụ trách

Kaze de yasumimasu.

かぜ で やすみます。

シン ギー ホツ(ク)
Xin nghỉ học
 ヴィ ビー カーム
vì bị cảm.



Odaijini.

おだいじに。

ズー ジン スツ(ク) ホエ
Giữ gìn sức khỏe.



Tegami ni kaku
てがみに かく

ビェツ(ト) トウー
Viết thư

	riyuu りゆう	リー-ジョー lý do
○月○日(○)	fukutsuu ふくつう	ダウー ブン đau bụng
○月○日(○)	kaze かぜ	ビー カーム bị cảm
○月○日(○)	hatsunetsu はつねつ	ビー ソツ(ト) bị sốt
○月○日(○)	ie no youji いえの ようじ	コー チュエン ニヤー có chuyện nhà

Watashi no kimochi
わたしの きもち

カーム スツ(ク) クア トイ
Cảm xúc của tôi

ureshii

うれしい

ヴィ ムン
vui mừng



kanashii

かなしい

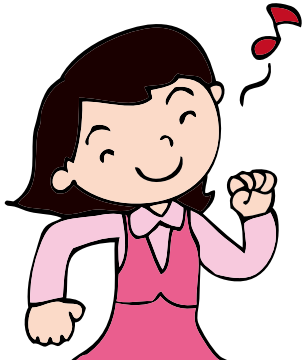
ダウ ブオン /
đau buồn/
ブオン バー
buồn bã



tanoshii

たのしい

ヴィ ベー
vui vẻ



sabishii

さびしい

バーン ベー /
vắng vẻ/
コー ドオン
cô đơn



omoshiroi

おもしろい

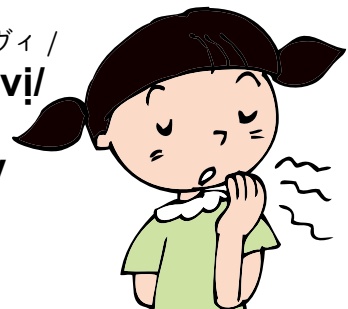
トゥー ビイ / ハイー
thú vị/hay



tsumaranai

つまらない

コン トゥー ヴィ /
không thú vị/
コン ハイー
không hay



okoru

おこる

トゥツ(ク) ザン
tức giận



komaru

こまる

クォー / ガツ(プ)
khô/gặp
クォー カーン
khó khăn

